

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 6 NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND phường Thanh Xuân)

TT	Trường	Dự kiến tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2026-2027	
		Số lớp	Số học sinh
1	THCS Việt Nam - Angiêri	10	450
2	THCS Phan Đình Giót	12	540
3	THCS Thanh Xuân Trung	12	540
4	THCS Nhân Chính	6	270
5	THCS Thanh Xuân	9	360
Tổng công lập		49	2160
6	THCS Đào Duy Từ	2	44
7	Liên cấp TH, THCS, THPT SENTIA	2	60
Tổng tư thực		4	104
Toàn phường		53	2264

Ghi chú: Số liệu điều tra trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 6 trên địa bàn phường là 2461 trẻ.

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 1 NĂM HỌC 2026-2027
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND
 phường Thanh Xuân)*

TT	Trường	Dự kiến tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2026-2027	
		Số lớp	Số học sinh
1	Tiểu học Đặng Trần Côn	7	315
2	Tiểu học Thanh Xuân Bắc	6	210
3	Tiểu học Phan Đình Giót	8	360
4	Tiểu học Thanh Xuân Trung	8	360
5	Tiểu học Nguyễn Tuân	7	315
6	Tiểu học Nhân Chính	7	245
Tổng công lập		43	1805
7	Liên cấp TH, THCS, THPT SENTIA	3	80
Toàn phường		46	1885

Ghi chú: Số liệu điều tra trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 1 trên địa bàn phường là 2035 trẻ.

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH CẤP HỌC MẦM NON NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND phường Thanh Xuân)

TT	Trường Mầm non	Dự kiến thực hiện năm học 2026-2027																		Tổng HS tuyển mới	
		Tổng số		Nhà trẻ				MG Bé (3-4 tuổi)				MG Nhỡ (4-5 tuổi)				MG Lớn (5-6 tuổi)					
		Lớp	Học sinh	Chỉ tiêu giao		HS Nhà trẻ còn	Tuyển mới	Chỉ tiêu giao		HS Nhà trẻ lên	Tuyển mới	Chỉ tiêu giao		HS MG Bé lên	Tuyển mới	Chỉ tiêu giao		HS MG Nhỡ lên	Tuyển mới		
				Số lớp	Tổng số			Số lớp	Tổng số			Số lớp	Tổng số			Số lớp	Tổng số				
		NT	MG																		
1	Bình Minh	14	445	2	60	14	46	3	90	56	34	4	120	82	38	5	175	165	10	46	82
2	Hoa Hồng	10	388	3	108	17	91	2	80	62	18	2	80	73	7	3	120	101	19	91	44
3	Nhân Chính	12	470	2	70	0	70	3	120	73	47	3	120	92	28	4	160	127	33	70	108
4	Thanh Xuân Bắc	18	550	2	60	13	47	6	160	90	70	5	165	130	35	5	165	140	25	47	130
5	Thanh Xuân Trung	13	430	2	60	0	60	3	90	64	26	4	140	98	42	4	140	127	13	60	81
6	Tràng An	17	555	3	90	0	90	5	150	91	59	4	140	114	26	5	175	168	7	90	92
7	Tuổi Thần Tiên	11	360	3	70	25	45	3	90	71	19	2	88	88	0	3	112	93	19	45	38
8	Tuổi Thơ	6	186	2	51	9	42	1	40	24	16	1	45	41	4	2	50	43	7	42	27
9	Nguyễn Tuân	14	418	3	75	19	56	4	115	70	45	3	98	60	38	4	130	115	15	56	98
	Tổng MN công lập	115	3802	22	644	97	547	30	935	601	334	28	996	778	218	35	1227	1079	148	547	700
1	Bông Hồng	6	78	3	36	14	22	1	15	12	3	1	15	14	1	1	12	9	3	22	7
2	Công Dân Toàn Cầu	11	200	2	30	15	15	3	50	30	20	3	55	30	25	3	65	60	5	15	50
3	Doremi Plus	6	90	3	45	20	25	1	15	12	3	1	15	10	5	1	15	10	5	25	13
4	Hoa Kỳ	6	107	2	32	12	20	2	35	19	16	1	15	8	7	1	25	23	2	20	25
5	Mai Phương	5	70	2	26	16	10	1	17	12	5	1	15	12	3	1	12	8	4	10	12
6	Nắng Mai	4	57	1	10	0	10	1	16	3	13	1	16	3	13	1	15	5	10	10	36
7	Những ngón tay bay	20	420	7	140	125	15	5	75	60	15	5	100	90	10	5	105	100	5	15	30
8	Sa su kê Thanh Xuân	13	348	3	70	20	50	3	78	45	33	3	84	75	9	4	116	104	12	50	54
9	STEAMe Thanh Xuân3	7	155	2	40	20	20	2	50	35	15	1	25	23	2	2	40	32	8	20	25
10	STEAMeQ Thanh Xuân	7	136	3	54	18	36	2	40	18	22	1	23	20	3	1	19	9	10	36	35
11	Trung tâm Hà Nội	7	135	3	45	9	36	2	40	31	9	1	25	17	8	1	25	20	5	36	22
12	Vinschool R1	20	519	7	169	58	111	3	75	74	1	4	100	93	7	6	175	160	15	111	23
13	Vinschool R5	20	484	7	162	77	85	6	143	113	30	4	99	86	13	3	80	80	0	85	43
14	Xanh	11	185	4	60	24	36	3	45	23	22	2	40	25	15	2	40	36	4	36	41
15	Nhật Bản	5	81	2	30	9	21	1	15	3	12	1	18	5	13	1	18	10	8	21	33
16	Hoa Anh Đào - Lê Văn Lương	11	217	7	117	43	74	2	50	40	10	1	25	17	8	1	25	16	9	74	27
17	Thành Đông	13	274	4	81	29	52	3	54	39	15	3	66	51	15	3	73	58	15	52	45
	Cộng tự thực	172	3556	62	1147	509	638	41	813	569	244	34	736	579	157	37	860	740	120	638	521
	Tổng chung	287	7358	84	1791	606	1185	71	1748	1170	578	62	1732	1357	375	72	2087	1819	268	1185	1221